

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/TCDS-S

Ngày 25 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Tường Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Chí Tình
2. Ông Nguyễn Văn Tạo

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-TCDS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-TCDS ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc ngân hàng T

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Thanh H - Giám đốc Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Bình

Người được uỷ quyền lại: ông Nguyễn Hoàng P - Trưởng phòng giao dịch B.

Địa chỉ: Số 326 đường Quang Trung, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn: bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2020, bản tự khai, người được nguyên đơn uỷ quyền lại ông Nguyễn Hoàng Phương trình bày:

Ngày 05/7/2018, bà Hoàng Thị H ký với Ngân hàng T, Hợp đồng tín dụng số LD1818600457 để vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, thời hạn tối đa mỗi giấy nhận nợ là 12 tháng, lãi suất cho vay được xác định cho từng lần giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Giấy nhận nợ số LD1919700451 ngày 16/7/2019 số tiền vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 03 tháng đầu tiên 11%/năm, kể từ tháng thứ 04 trở đi lãi suất được tính theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi sau của Sacombank + biên độ 4%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; phương thức trả nợ: trả lãi vào ngày 05 hàng tháng, gốc trả cuối kỳ (ngày 16/7/2020).

Để bảo đảm cho khoản vay trên bà Hoàng Thị H đã ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số 359/2018/HĐTC/PGD ngày 06/7/2018 với Ngân hàng T, Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Nhất Tín chứng thực ngày 06/7/2018, số công chứng 4180, quyển số 07/2018/TP/CC-SCC/HĐGD đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 06/7/2018, quyển số 1, số thứ tự 2377, tài sản bảo đảm là thửa đất số 153, tờ bản đồ số 04, diện tích 140m² tại thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI938144, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00049, do UBND huyện Q cấp ngày 02/04/2008.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Hoàng Thị H không trả nợ gốc mà chỉ thực hiện nghĩa vụ trả lãi đến ngày 04/11/2019 với tổng số tiền là 17.067.293 đồng, từ ngày 05/11/2019 đến nay bà Hiếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Sacombank. Tính đến ngày 25/9/2020 bà H có dư nợ tại Ngân hàng T tổng số tiền là 555.464.663 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi là 55.464.663 đồng. Ngân hàng T đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay ngân hàng T đề nghị Tòa án buộc bà Hoàng Thị H phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 25/9/2020 là 555.464.663 đồng.

Trường hợp bà Hoàng Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng T đề nghị Tòa án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 359/2018/HĐTC/PGD ngày 06/7/2018 để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu nhiều lần cho bà Hoàng Thị H nhưng bà H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân, Công an xã Q. Kết quả như sau: bà H hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Q, nhưng không có mặt tại địa phương, hiện bà H đi đâu làm gì Ủy ban và Công an xã Q không nắm được, vì khi đi bà H không trình báo. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 04/9/2020, Tòa án mở phiên toà và đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên toà nhưng H vắng mặt nên Tòa án

phải hoãn phiên toà. Ngày 25/9/2020, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên toà; Giấy triệu tập đến phiên toà nhưng bà H vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị H; căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T buộc bà Hoàng Thị H phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 25/9/2020 số tiền là 555.464.663 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi là 55.464.663 đồng cho Ngân hàng T.

Trường hợp bà Hoàng Thị H không trả được nợ thì đề nghị Tòa án Ngân tuyên xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 359/2018/HĐTC/PGD ngày 06/7/2018 mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ cho ngân hàng. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để trả nợ cho khoản vay thì buộc bà H tiếp tục trả nợ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng T có đơn khởi kiện bà Hoàng Thị H, hiện tại bà H có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên toà vắng mặt bà Hoàng Thị H song xét thấy, trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2020 Ngân hàng T đã cung cấp đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bà H theo Hợp đồng tín dụng số LD1818600457 ngày 5/7/2018 cho Tòa án nhưng hiện tại bà H không có mặt tại địa chỉ nơi cư trú mà phía Ngân hàng cung cấp, khi thay đổi địa chỉ bà H không thông báo cho Ngân hàng T biết địa chỉ nơi cư trú mới, nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ để nhằm trốn tránh nghĩa vụ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị H.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét Hợp đồng tín dụng số LD1818600457 ngày 5/7/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Sacombank với bà Hoàng Thị H về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự. Vì vậy đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, Ngân hàng T đã giải ngân cho bà Hoàng Thị H vay số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Hợp đồng bà H không trả nợ gốc mà chỉ thực hiện nghĩa vụ trả lãi đến ngày 04/11/2019 với tổng số tiền là 17.067.293 đồng. Mặc dù ngân hàng T đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn nhưng bà H vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 25/9/2020 bà H có dư nợ tại Ngân hàng T tổng số tiền là 555.464.663 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi 55.464.663 đồng. Vì vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị H phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 25/9/2020 với tổng số tiền là 555.464.663 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi 55.464.663 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng và các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 359/2018/HĐTC/PGD ngày 06/7/2018, bà Hoàng Thị H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 04, diện tích 140m² tại thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI938144, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00049, do UBND huyện Q cấp ngày 02/04/2008 để đảm bảo cho khoản vay trên. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất trên được cấp cho hộ gia đình bà Hoàng Thị H và ông Hoàng G. Sổ hộ khẩu hộ gia đình bà H gồm có 03 thành viên gồm: Bà H, chồng bà H (ông Hoàng G) và con là Hoàng T. Tuy nhiên, ông Hoàng G đã chết ngày 20/10/2016, anh Hoàng T đã từ chối nhận di sản thừa kế (theo văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 27/10/2017). Do vậy, thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của bà H. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp được chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng T được chấp nhận nên buộc bà Hoàng Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại toàn bộ số tiền 12.344.401 đồng tạm ứng án phí cho Ngân hàng T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị H

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T: buộc bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2020) là 555.464.663 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi 55.464.663 đồng.

Trường hợp bà Hoàng Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 359/2018/HĐTC/PGD ngày 06/7/2018 mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ.

2. Về án phí: buộc bà Hoàng Thị H phải nộp 27.773.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 12.344.401 đồng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006860 ngày 28/4/2020.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2020) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tướng Thị Hà